

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20/5/2022

“V/v: Tranh chấp ly hôn, con chung”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Huệ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Thành Đô.

2. Bà Lê Thị Thận.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng không tham gia phiên tòa.**

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 54/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022, về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị P; Sinh năm: 1980.(vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh M; Sinh năm: 1978.(vắng mặt).

Cùng cư trú: Thôn 6, xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/02/2022, bản tự khai ngày 17/3/2022 nguyên đơn chị P trình bày:**

Chị và anh M tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thới Đông, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh năm 2007. Quá trình sống chung vợ chồng có mâu thuẫn phát sinh nhưng vì con cái nên chị bỏ quan. Năm 2021 anh M thường xuyên rượu chè rồi hành hung và chửi bới xúc phạm nhân phẩm của chị. Lo sợ anh M tiếp tục hành hung làm tổn hại đến sức khỏe cũng như tính mạng nên chị dọn ra cửa hàng để ở. Đến nay chị thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh M.

Chị và anh M có 02 con chung là N, sinh năm 2001 và Đ, sinh năm 2009. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu P; Đối với cháu N đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

**\* Tại bản tự khai ngày 26/4/2022 bị đơn anh M trình bày:** Anh xác nhận việc

tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn giữa anh và chị P như chị P trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2009 mới lên tỉnh Bình Phước. Năm 2018 anh bị xử tội cố ý gây thương tích và chấp hành án đến tháng 9/2021 được đặc xá. Sau khi về địa phương anh thấy chị P thay đổi, hay đi làm xa không hỏi ý kiến anh; Vì vậy, có lần say xỉn do ghen tuông anh đánh chị P một bạt tai nên anh và chị P sống ly thân từ đó cho đến nay; Việc anh hay nhậu nhẹt, có lần đánh đập chị P là do ghen tuông. Nay mặc dù anh vẫn còn tình cảm với chị P nhưng chị P yêu cầu giải quyết ly hôn anh đồng.

Về con chung, anh và chị P có 02 con chung là N, sinh năm 2001 và Đ, sinh năm 2009. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng để cháu Đ lựa chọn ở với ai do hiện nay cháu Đ cũng đã lớn. Đối với cháu N đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

Về tài sản, nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án chị P có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hoà giải và xét xử vắng mặt; anh M có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh M tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã An Thới Đông, huyện Cần Giò, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 97, quyển số 01/2007, nên quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh M là hôn nhân là hợp pháp.

Sau khi kết hôn chị P và anh M chung sống bình thường và sinh được 02 con chung; Năm 2017 anh M phạm tội “Cố ý gây thương tích” bị Tòa án xử phạt 06 năm tù, đến năm 2021 được đặc xá ra tù trước thời hạn. Từ thời gian này vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân do anh M nghi ngờ chị P có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, do ghen tuông anh M thường hay uống rượu say rồi chửi bới và có lần đánh chị P nên vợ chồng đã ly thân cho đến nay không hàn gắn được. Quá trình giải quyết vụ án chị P đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải và xin Tòa án giải quyết vắng mặt; Anh M trình bày còn tình cảm với chị P nhưng do chị P yêu cầu ly hôn nên anh cũng đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Từ những căn cứ trên khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh M là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị P là có cơ sở cần được chấp nhận.

2.2. Về con chung: Chị P và anh M có 02 con chung là N, sinh ngày 07/4/2001 và Đ, sinh ngày 26/6/2009. Sau ly hôn chị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ; anh M đề nghị để con tự quyết định ở với cha hoặc mẹ; Cháu Đ trình bày tại bản tự khai có nguyện vọng được ở với ba. Do đó, vì lợi ích của con chưa thành niên cần tôn trọng ý kiến nguyện vọng của cháu Đ có nguyện vọng được ở với ba, nên giao cho anh M có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung là phù2

hợp. Đối với cháu N đã thành niên không có ý kiến yêu cầu gì nên không đề cập giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị P và anh M không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; các điều 238; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTWQH16 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị P đối với bị đơn anh M; Xử cho chị P được ly hôn với anh M.

2. Về con chung: Giao con chung là Đ, sinh ngày 26 tháng 6 năm 2009 cho anh M có trách nhiệm trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Đồng thời có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị P phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000335 ngày 15/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã kí)

**NGUYỄN VĂN HUỆ**